

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình triển khai chuyển đổi số Quý I năm 2022

(Tài liệu phục vụ Phiên họp lần thứ 2 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số)

Theo Thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Phiên họp lần thứ nhất của Ủy ban¹, các bộ, ngành, địa phương được giao triển khai **03** nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành trong Quý I/2022, đều đã hoàn thành đúng hạn.

Theo Kế hoạch hoạt động của Ủy ban năm 2022², các bộ, ngành, địa phương được giao triển khai **14** nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành trong tháng 3,4/2022. Do Kế hoạch mới được ban hành ngày 15/3/2022 nên **14** nhiệm vụ này đều đang trong quá trình thực hiện, dự kiến sẽ hoàn thành trong tháng 4/2022.

Trên cơ sở báo cáo của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan thường trực Ủy ban xin báo cáo tình hình triển khai chuyển đổi số trong Quý I/2022 như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ NỔI BẬT

1. Nhận thức số

a) Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và phát hành hàng tuần báo cáo chuyên đề về chuyển đổi số. Báo cáo được gửi tới toàn bộ các thành viên Ủy ban Quốc gia, Bí thư, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố và đầu mối Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương.

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương tiếp tục phát hành báo cáo chuyên đề hàng tuần này tới toàn bộ các thành viên Ban Chỉ đạo, Bí thư, Chủ tịch các quận, huyện, Người đứng đầu các ban Đảng, Giám đốc các Sở, ngành trực thuộc.

b) Bộ Thông tin và Truyền thông đã công bố công khai Cẩm nang Chuyển đổi số³, **55** bài toán chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương⁴ và **21** câu chuyện về chuyển đổi số của Việt Nam năm 2021, bao gồm các câu chuyện thành công đã được thực tiễn kiểm chứng là hiệu quả có thể tham khảo nhân rộng và các câu chuyện chia sẻ kinh nghiệm khác⁵.

¹ Thông báo số 331/TB-VPCP ngày 10/12/2021 của Văn phòng Chính phủ

² Quyết định số 27/QĐ-UBQGČĐS ngày 15/3/2022 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số.

³ Cẩm nang Chuyển đổi số: <https://dx.mic.gov.vn>

⁴ Bài toán chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương: <http://c63.mic.gov.vn/>

⁵ Câu chuyện chuyển đổi số từ các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp: <https://t63.mic.gov.vn/>

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương tham khảo, sử dụng phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến, mở chuyên trang cấp bộ, tỉnh về chuyển đổi số ngành, lĩnh vực, địa phương; có chuyên mục về chuyển đổi số ngành, lĩnh vực, địa phương trên cổng thông tin điện tử của bộ, tỉnh, của cơ quan báo chí bộ, tỉnh; Đài PTTH tỉnh và Đài truyền thanh cơ sở có chuyên mục hàng tuần về chuyển đổi số.

2. Thể chế số

a) **22/22** bộ, ngành và **63/63** địa phương đã thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số. Trong đó, **21/22** bộ, ngành có Trưởng ban là Bộ trưởng, Thủ trưởng ngành⁶; **57/63** tỉnh, thành phố có Trưởng ban là Chủ tịch UBND tỉnh; **06/63** tỉnh, thành phố có Trưởng ban là Bí thư tỉnh ủy⁷. **06** tỉnh, thành phố đã ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số theo Quyết định số 27/QĐ-UBQGCS.

Đề nghị Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2022 trong tháng 4/2022.

b) **55/63** địa phương đã ban hành nghị quyết/chỉ thị/văn bản của tỉnh ủy/thành ủy về chuyển đổi số.

Đề nghị 08 địa phương⁸ còn lại ban hành văn bản chuyên đề của cấp ủy về chuyển đổi số trong tháng 4/2022.

c) **19/22** bộ, ngành và **59/63** địa phương đã ban hành chương trình/kế hoạch/đề án chuyển đổi số giai đoạn 5 năm.

Đề nghị 03 bộ, ngành⁹, 04 địa phương¹⁰ chưa ban hành kế hoạch hành động 05 năm của cấp chính quyền sớm ban hành trong tháng 4/2022.

d) **16/22** bộ, ngành đã ban hành kế hoạch hành động năm 2022; trong đó **04/22** bộ, cơ quan ban hành kế hoạch chuyển đổi số; **01/22** bộ, cơ quan ban hành kế hoạch chuyển đổi số lồng ghép với kế hoạch phát triển chính phủ số; **10/22** bộ, cơ quan chỉ ban hành kế hoạch phát triển chính phủ số; **44/63** tỉnh, thành phố đã ban hành kế hoạch hành động năm 2022; trong đó **17/63** tỉnh, thành phố ban hành kế hoạch chuyển đổi số; **06/63** tỉnh, thành phố ban hành kế hoạch chuyển đổi số lồng ghép với kế hoạch phát triển chính quyền số; **21/63** tỉnh, thành phố chỉ ban hành kế hoạch phát triển chính quyền số.

⁶ Bộ Quốc phòng có Trưởng ban là Thứ trưởng Lê Huy Vịnh, Ủy viên Trung ương Đảng

⁷ Bến Tre, Hà Giang, Ninh Thuận, Sóc Trăng, Lào Cai, Bình Định có Trưởng ban là Bí thư Tỉnh ủy

⁸ 08 địa phương chưa ban hành Nghị quyết của cấp ủy về chuyển đổi số: An Giang, Cà Mau, Đồng Nai, Kiên Giang, Lâm Đồng, Nghệ An, Phú Yên, Vĩnh Long

⁹ 03 bộ, ngành chưa ban hành Kế hoạch 05 năm của cấp chính quyền về chuyển đổi số: Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thanh tra Chính phủ

¹⁰ 04 địa phương chưa ban hành Kế hoạch 05 năm của cấp chính quyền về chuyển đổi số: Lâm Đồng, Nghệ An, Quảng Bình, Trà Vinh

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương ban hành hoặc cập nhật kế hoạch hành động năm 2022 trong tháng 4/2022 để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao trên cả 3 trụ cột chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

3. Hạ tầng số

a) Tốc độ truy cập mạng băng rộng ở Việt Nam Quý I/2022 được cải thiện so với cùng kỳ năm 2021, đặc biệt là chỉ số tải xuống (download) ở mạng di động băng rộng tăng khoảng **26%** (từ **26,92** Mbps lên **33,90** Mbps), ở mạng cố định băng rộng tăng khoảng **44%** (từ **44,18** Mbps lên **67,96** Mbps).

Cả nước hiện còn **980** thôn lǝm sóng băng rộng di động, trong đó, **774** thôn sẽ được các doanh nghiệp viễn thông di động triển khai phủ sóng trước 30/6/2022; **118** thôn chưa có điện, **88** thôn thuộc khu vực vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn, dân cư thưa thớt, dưới 50 hộ gia đình trong một thôn sẽ tiếp tục được triển khai phủ sóng sau.

b) Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh là **70,91%**; tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh là **85,08%**; tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang băng rộng là **68,8%**.

c) Chương trình Sóng và máy tính cho em đến nay đã có **381.092** máy được thực hiện từ nguồn đóng góp của các doanh nghiệp và ngân hàng (chưa bao gồm **100.000** máy do Thành phố Hồ Chí Minh chủ động triển khai)¹¹. Dự kiến **400.000** máy từ nguồn Quỹ Dịch vụ Viễn thông công ích sẽ được cung cấp từ tháng 6/2022. Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Bộ Giáo dục và Đào tạo đang thống nhất địa phương để chuyển tiền **64.000** máy. Tổng cộng: **945.092** máy.

4. Nhân lực số

a) Việt Nam hiện nay có khoảng hơn **240** trường đại học, trong đó gần **160** trường có chuyên ngành đào tạo kỹ thuật: công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin. Hằng năm, số lượng sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành này vào khoảng hơn **50.000**. Nếu tính cả đào tạo nghề ở bậc cao đẳng, trung cấp thì con số này vào khoảng hơn **62.000**.

Trong cơ cấu nguồn nhân lực, tỷ lệ nhân lực kỹ thuật / tổng lao động của nền kinh tế Việt Nam đạt hơn **1%**. Đây là tỷ lệ tương đối thấp so với một số quốc gia như Hoa Kỳ (**4%**), Hàn Quốc (**2,5%**), Ấn Độ (**1,78%**). Để nâng tỷ lệ lên tối thiểu **2%**, Việt Nam cần đào tạo được tối thiểu **70.000** sinh viên đại học chuyên ngành kỹ thuật mỗi năm, tăng khoảng **40%** so với hiện nay. Không chỉ là vấn đề số lượng, chất lượng nhân lực cũng là thách thức lớn. Các công nghệ số đang có tốc độ phát triển nhanh, trong khi đó, chương trình đào tạo đang chưa theo kịp.

¹¹ Trong đó, số máy đã trao tặng từ nguồn của các doanh nghiệp viễn thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo là 217.273 máy; số máy đã trao tặng của Trung ương Đoàn, Quỹ Nhi đồng liên hiệp quốc là 27.819 máy; số máy đang tổ chức đấu thầu từ nguồn của các ngân hàng thương mại, doanh nghiệp thuộc Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 136.000 máy (các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại đã chuyển đến địa phương)

Để giải quyết vấn đề, nhiều quốc gia, điển hình là Hàn Quốc, Ấn Độ đã xác định phát triển đại học số là giải pháp quan trọng, đột phá để phát triển, bảo đảm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực nói chung và nhân lực số nói riêng. Đại học số, hiểu một cách đơn giản là chuyển đổi số giáo dục đại học, đưa toàn bộ hoạt động của trường đại học, của giảng viên, sinh viên lên môi trường số. Và vì chuyển đổi hoàn toàn lên môi trường số, mô hình hoạt động của một trường đại học số trở nên linh hoạt và vượt qua nhiều giới hạn vật lý mà một ngôi trường truyền thống gặp phải, dẫn tới dịch vụ giáo dục được tiếp cận dễ dàng hơn, đào tạo được nhiều hơn, chi phí thấp hơn, với chất lượng tối thiểu tương đương. Mới đây, Thủ tướng Ấn Độ, ông Narendra Modi coi triển khai đại học số là bước đi chưa có tiền lệ để giải quyết triệt để vấn đề giới hạn chỉ tiêu đào tạo tại các trường đại học. Việc phát triển đại học số có thể giúp bổ sung thêm 10 triệu người dân Ấn Độ trong độ tuổi có thể tiếp cận với đào tạo trình độ đại học hàng năm.

Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban đã giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng Đề án thí điểm triển khai 05 trường tham gia mô hình giáo dục đại học số trong đào tạo nhân lực công nghệ số, thời hạn là tháng 8/2022.

Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng Đề án thí điểm và sớm tổ chức triển khai, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia.

Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì nghiên cứu Đề án Cao đẳng nghề số để đào tạo kỹ năng số chuyên nghiệp cho lực lượng lao động.

b) Trong Quý I/2022, Bộ Thông tin và Truyền thông đã triển khai Nền tảng học trực tuyến mở đại trà, ban hành chương trình mẫu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp cho gần **1.000** công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước. **13/63** tỉnh, thành phố đã ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số.

Đề nghị các địa phương sớm ban hành kế hoạch, tham khảo nội dung chương trình mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, bổ sung thêm những điểm đặc thù của địa phương và tổ chức triển khai bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho nhân lực trong cơ quan chính quyền từ cấp tỉnh đến cấp xã.

c) **06/63** tỉnh, thành phố đã thành lập **4.898** Tổ công nghệ số cộng đồng với **21.975** thành viên tham gia. Trong đó, Lạng Sơn đã hoàn thành **100%** đến cấp xã.

Đề nghị các địa phương sớm triển khai thành lập, bồi dưỡng, tập huấn các Tổ công nghệ số cộng đồng để hỗ trợ người dân sử dụng các nền tảng số Việt Nam, sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm trước tháng 6/2022 để trên cơ sở đó phổ biến, nhân rộng một cách hiệu quả, bền vững.

5. An toàn, an ninh mạng

a) Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia có **220** thành viên, bao gồm: **58** thành viên thuộc bộ, ngành; **63** thành viên thuộc địa phương và **99** thành viên thuộc các doanh nghiệp, tổ chức khác. Trong Quý I/2022, Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông đã ghi nhận, cảnh báo và hướng dẫn xử lý **3.678** cuộc tấn công mạng gây ra sự cố vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam; tăng **2,94%** so với Quý IV/2021.

b) Doanh thu an toàn thông tin mạng Quý I/2022 tăng **7,9%** so với Quý I/2021. Tổng số doanh nghiệp được cấp phép đến nay là **95** doanh nghiệp. Tỷ lệ nhóm sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng của Việt Nam so với **22** nhóm sản phẩm hệ sinh thái an toàn thông tin mạng đạt **95,5%**. Tỷ lệ sản xuất/nhập khẩu Quý I/2022 đạt **56,2%**.

c) Tổng số hệ thống thông tin (HTTT) của cả nước là **2.853**, trong đó HTTT được phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ (HSDXCĐ) là **845**, chiếm **30%**, trong đó:

- Tổng số HTTT của bộ, ngành là **674**, trong đó HTTT được phê duyệt HSDXCĐ là **322**, chiếm **48%**;

- Tổng số HTTT của địa phương là **2.179**, trong đó HTTT được phê duyệt HSDXCĐ là **523**, chiếm **24%**.

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương hoàn thành phê duyệt HSDXCĐ cho tất cả các HTTT trước ngày 30/6/2022, triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn HTTT theo cấp độ trước ngày 15/11/2022 và cho dừng các HTTT không bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật từ ngày 01/01/2023.

6. Chính phủ số

a) Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối 04 cấp hành chính tiếp tục được phát triển, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn kết nối các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số. Đến nay, Mạng đã kết nối đến **100%** huyện; **96,73%** xã trên toàn quốc. Hiện còn 2 tỉnh là Bình Thuận và Quảng Nam chưa kết nối được đến **100%** cấp xã, dự kiến hoàn thành trước tháng **6/2022**.

b) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) tiếp tục được phát triển và khai thác hiệu quả để phục vụ nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước ngày càng cao. Tổng số giao dịch thực hiện thông qua NDXP trong Quý I/2022 khoảng **145 triệu**, tăng khoảng **26 lần** so với Quý I/2021; trung bình hằng ngày có hơn **1,5 triệu** giao dịch thực hiện thông qua NDXP.

c) Các cơ sở dữ liệu (CSDL) tạo nền tảng cho Chính phủ số được đẩy mạnh triển khai, là điều kiện tiên quyết để triển khai Chính phủ số:

- CSDL quốc gia về Dân cư đã được Bộ Công an vận hành chính thức từ ngày **01/7/2021**. Ngày **06/01/2022**, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Hiện nay, Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với các bộ, ngành, địa phương gấp rút, quyết liệt triển khai kết nối, khai thác dữ liệu dân cư để cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao và phục vụ các hoạt động chuyên ngành. Tính đến thời điểm hiện tại, đã triển khai kết nối chính thức đối với 07 đơn vị: Bộ Y tế (dữ liệu tiêm chủng), Văn phòng Chính phủ (Công DVCQG), Bộ Tư pháp (CSDL hộ tịch), Bộ Giáo dục và Đào tạo (CSDL chuyên ngành GDĐT), Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Bảo hiểm xã hội Việt Nam (CSDLQG về Bảo hiểm), Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính (CSDL người nộp thuế).

- CSDL quốc gia về Bảo hiểm quản lý thông tin của **27 triệu** hộ gia đình tham gia bảo hiểm y tế, bao gồm thông tin của **98 triệu** người dân.

- CSDL hộ tịch điện tử toàn quốc có khoảng **23 triệu** dữ liệu đăng ký khai sinh, trong đó có trên **7 triệu** trẻ em được cấp Số định danh cá nhân theo quy định; trên **4,5 triệu** dữ liệu đăng ký kết hôn; trên **3,2 triệu** dữ liệu đăng ký khai tử.

- CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp chứa thông tin đăng ký doanh nghiệp theo thời gian thực của **hơn 01 triệu** doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc; tỷ lệ số hóa hồ sơ đăng ký doanh nghiệp **đạt 100%**.

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường đẩy nhanh tiến độ triển khai CSDL về đất đai quốc gia, sẵn sàng phương án triển khai từ tháng 6/2022, cơ bản hoàn thành và đưa vào vận hành, khai thác sử dụng trong năm 2022.

d) Tỷ lệ dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4 là **97,3%** (chiếm 52,33% tổng số thủ tục hành chính); tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) phát sinh hồ sơ là **17,17%**, tương đương Quý I/2021; tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến là **24,75%**, tăng **8,82%** so với Quý I/2021.

Cổng Dịch vụ công quốc gia đã tích hợp với **3.552** dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của các bộ, ngành, địa phương, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp truy cập thuận tiện (một cửa) đến dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước các cấp. Trong Quý I/2022, Cổng đã có trên **167** nghìn tài khoản đăng ký; trên **14 triệu hồ sơ** đồng bộ trạng thái; trên **332 nghìn** lượt thực hiện các dịch vụ tiện ích từ cổng; trên **510 nghìn** hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng; trên **163 nghìn** giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn **366 tỷ** đồng;

Một số địa phương đã có cách làm hay để nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, khuyến khích người dân nhằm cung cấp, sử dụng hiệu quả

DVCTT. Cụ thể như: **Thành phố Hồ Chí Minh** giảm **50%** lệ phí đối với **06** nhóm dịch vụ thiết yếu khi người dân, doanh nghiệp thực hiện qua hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; **tỉnh Bình Phước** thực hiện chính sách chỉ tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến; **tỉnh Hòa Bình, Thái Nguyên** giao chỉ tiêu hồ sơ giải quyết trực tuyến tới từng sở, ban, ngành, quận, huyện, **tỉnh Khánh Hòa** giao chỉ tiêu hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trực tuyến đến tận cấp xã, phường.

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương ban hành Kế hoạch thúc đẩy cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, trong đó, (1) Giao chỉ tiêu tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ và tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến tới từng sở, ngành, quận, huyện năm 2022 đạt tối thiểu 50%; (2) Có chính sách khuyến khích sử dụng DVCTT như giảm thời gian xử lý, giảm lệ phí xử lý, dừng tiếp nhận hồ sơ giấy đối với một số loại hình DVCTT phù hợp.

đ) Các ứng dụng trong nội bộ cơ quan nhà nước tiếp tục được phát triển, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí hoạt động, đổi mới phương thức làm việc:

- Trục liên thông văn bản quốc gia thực hiện gửi, nhận trên **1,6 triệu** văn bản điện tử;

- Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (e-Cabinet) đã phục vụ **06 phiên họp** Chính phủ và xử lý **90 phiếu** lấy ý kiến thành viên Chính phủ (thay thế hơn **39,6 nghìn** hồ sơ, tài liệu giấy);

- Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia, Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kết nối, liên thông các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có chức năng báo cáo của **75** bộ, cơ quan, địa phương; đã cung cấp thông tin, dữ liệu của **15** chế độ báo cáo trên Hệ thống; **152/200 chỉ tiêu** kinh tế - xã hội theo Quyết định số 293/QĐ-TTg; kết nối **37 chỉ tiêu** thông tin dữ liệu trực tuyến; Xây dựng kho dữ liệu tổng hợp với trên **300 chỉ tiêu** kinh tế - xã hội; **250 bảng** hiển thị dữ liệu cho các chỉ tiêu.

e) Về phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam, hiện nay, các địa phương đang chủ yếu tập trung phát triển Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) với các dịch vụ đô thị thông minh để phục vụ người dân, doanh nghiệp với mục đích vừa phát triển đô thị, thành phố thông minh, vừa thực hiện chuyển đổi số tại địa phương. Đến nay, có **42/63** tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương¹² đã chính

¹² Bình Phước, Cao Bằng, Gia Lai, Nam Định, Thái Nguyên, Thái Bình, Vĩnh Long, Đồng Nai, Hậu Giang, Hà Giang, Đà Nẵng, Kon Tum, Đắk Lắk, Hà Tĩnh, Bình Định, Bắc Ninh, Bình Dương, Phú Thọ, Quảng Ninh, Thừa Thiên - Huế, Trà Vinh, Tây Ninh, Hòa Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiên Giang, Lào Cai, Quảng Trị, Sơn La, Ninh Bình, Bà Rịa - Vũng Tàu, Nghệ An, Ninh Thuận, Quảng Nam, Bắc Kạn, Cần Thơ, Hà Nam, Hải Phòng, Hưng Yên, Quảng Bình, Lạng Sơn, Sóc Trăng, Long An

thức khai trương IOC; **38/63** tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương¹³ đã triển khai dịch vụ phản ánh hiện trường giúp nâng cao hiệu quả tương tác giữa người dân với chính quyền.

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương khi triển khai IOC lưu ý phải bảo đảm tính hiệu quả, bền vững. Để được như vậy, thì các cấp Lãnh đạo phải đưa ra đầu bài, phải sử dụng để điều hành công việc hằng ngày và liên tục cập nhật, chỉnh sửa, nâng cấp cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn đặt ra.

g) Trợ lý ảo được xây dựng và triển khai thí điểm nhằm hỗ trợ công chức, viên chức, người lao động trong công việc tại Bộ Thông tin và Truyền thông và Tòa án nhân dân tối cao, trước mắt tập trung vào hỏi đáp quy định trong văn bản pháp luật và hỏi đáp các tình huống quản lý nhà nước ngành. Tòa án nhân dân tối cao đã số hóa khoảng **700.000** bản án để lưu trữ và hỗ trợ tìm kiếm theo các từ khóa trong nội dung.

h) Hệ thống giám sát dữ liệu trực tuyến, kết nối giữa cơ quan quản lý với hệ thống của đối tượng quản lý được triển khai nhằm giám sát, kiểm tra, đánh giá, đo lường chính xác, kịp thời mức độ, hiệu quả của chuyển đổi số để có các giải pháp thúc đẩy kịp thời:

- Hệ thống giám sát, đo lường (Hệ thống EMC) của Bộ Thông tin và Truyền thông kết nối, thu thập và đánh giá dữ liệu của 3 loại đối tượng gồm: (1) Cổng Thông tin điện tử, (2) Cổng Dịch vụ công, (3) Hệ thống Một cửa điện tử của các bộ, ngành, địa phương. Hiện nay chỉ còn **02** bộ¹⁴, **02** địa phương¹⁵ chưa thực hiện kết nối đầy đủ để phục vụ công tác giám sát, đo lường.

- Bộ Công Thương đang phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng, triển khai thí điểm Nền tảng quản lý dữ liệu xăng dầu, triển khai chọn mẫu một số doanh nghiệp thuộc 3 nhóm đối tượng thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối và thương nhân bán lẻ xăng dầu.

- Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng, triển khai thí điểm Nền tảng quản lý dữ liệu doanh nghiệp đối với 02 doanh nghiệp thuộc Bộ là Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện VTC và Tổng công ty Bưu chính Việt Nam VNPost.

¹³ Bình Phước, Cao Bằng, Gia Lai, Nam Định, Thái Nguyên, Thái Bình, Vĩnh Long, Đồng Nai, Hậu Giang, Đà Nẵng, Kon Tum, Bến Tre, Đắk Lắk, Bình Định, Bắc Ninh, Bình Dương, Phú Thọ, Quảng Ninh, Thừa Thiên - Huế, Tây Ninh, Hòa Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Kiên Giang, Quảng Trị, Sơn La, Ninh Bình, Bà Rịa - Vũng Tàu, Nghệ An, Ninh Thuận, Quảng Nam, Bắc Kạn, Cần Thơ, Hà Nam, Hải Phòng, Hưng Yên, Quảng Bình, Lạng Sơn

¹⁴ Các Bộ: Tư pháp, Tài chính

¹⁵ Hà Nội, Đắk Nông

7. Kinh tế số

a) Ước tính tổng doanh thu kinh tế số Quý I/2022 khoảng **53 tỷ USD**, đóng góp khoảng **10,2% GDP**, trong đó kinh tế số nền tảng có tốc độ tăng trưởng **28%**, đạt doanh thu **8 tỷ USD**, còn lại là kinh tế số ICT và kinh tế số ngành, với tốc độ tăng trưởng doanh thu trung bình khoảng **15%**. Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số doanh nghiệp công nghệ số thành lập mới tính đến hết tháng 02/2022 đạt **65.329** doanh nghiệp, tăng **487** doanh nghiệp so với năm 2021.

b) Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp tục đẩy mạnh triển khai Chương trình Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyên đổi số qua nền tảng **SMEdx.vn**. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa đã tích cực tham gia Chương trình. Đến hết Quý I/2022 đã có hơn **170.000** doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận Chương trình, hỗ trợ gần **19.000** doanh nghiệp dùng thử miễn phí và gần **3.000** doanh nghiệp sử dụng chính thức sau thời gian dùng thử miễn phí.

c) Bộ Tài chính đã chính thức triển khai hóa đơn điện tử và thuế điện tử trên phạm vi toàn quốc. Trong Quý I/2022, cơ quan thuế đã tiếp nhận xử lý **77.732.636** hóa đơn điện tử¹⁶. Các dịch vụ thuế điện tử được triển khai bao gồm: (1) Dịch vụ khai thuế điện tử dành cho doanh nghiệp, hoàn thành kết nối nộp thuế điện tử với 55 ngân hàng thương mại¹⁷; (2) Dịch vụ khai thuế điện tử dành cho cá nhân đối với hoạt động cho thuê tài sản¹⁸; triển khai, nộp điện tử lệ phí trước bạ điện tử đối với ô tô, xe máy tại Cục Thuế Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh¹⁹; (3) Dịch vụ hoàn thuế điện tử²⁰; (4) Ứng dụng thuế điện tử cho thiết bị di động (eTax Mobile)²¹; (5) Ứng dụng Cổng thông tin điện tử dành cho nhà cung cấp nước ngoài để thực hiện việc đăng ký, kê khai, nộp thuế.

¹⁶ Trong đó, hóa đơn có mã: Hà Nội: 18.561.722, Thành phố Hồ Chí Minh: 29.911.880, Quảng Ninh: 1.618.521, Phú Thọ: 932.352, Bình Định: 909.255, Hải Phòng: 3.425.435); hóa đơn không mã gửi đầy đủ dữ liệu: Hà Nội: 10.307.367 (Hà Nội: 3.960.026, Thành phố Hồ Chí Minh: 4.220.165, Quảng Ninh: 592.943, Phú Thọ: 104.725, Bình Định: 342.283, Hải Phòng: 1.087.225); hóa đơn không mã: Hà Nội: 12.066.104 (Hà Nội: 3.629.257, Thành phố Hồ Chí Minh: 4.557.671, Quảng Ninh: 531.618, Phú Thọ: 615.951, Bình Định: 523.093, Hải Phòng: 2.208.514)

¹⁷ Tính đến ngày 15/4/2022, số lượng doanh nghiệp đã đăng ký tham gia sử dụng dịch vụ với cơ quan thuế là 848.142 doanh nghiệp trên tổng số 855.793 doanh nghiệp đang hoạt động, đạt tỷ lệ 99,11%; số lượng doanh nghiệp hoàn thành đăng ký dịch vụ với ngân hàng là 845.415 doanh nghiệp trên tổng số 855.793 doanh nghiệp đang hoạt động, đạt tỷ lệ 98,79%. Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 15/4/2022, các doanh nghiệp đã nộp tiền thuế thông qua 1.462.973 giao dịch nộp thuế điện tử với số tiền là trên 258.204 tỷ đồng và 13.585.284 USD.

¹⁸ Tính đến ngày 15/4/2022, có 606.419 tài khoản đã đăng ký và 25.987 tờ khai đã gửi

¹⁹ Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 15/4/2022, số lượng tờ khai điện tử tại Cục Thuế Thành phố Hà Nội là 35.740 hồ sơ trên tổng số 125.752 hồ sơ, đạt tỷ lệ 28,42%; tại Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh là 39.735 hồ sơ trên tổng số 168.142 hồ sơ, đạt tỷ lệ 23,63%.

²⁰ Tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 15/4/2022, tổng số doanh nghiệp tham gia hoàn thuế điện tử là 4.186 trên tổng số 4.225 doanh nghiệp hoàn thuế, đạt tỷ lệ 99,08%; số hồ sơ tiếp nhận là 6.972 hồ sơ trên tổng số 7.030 hồ sơ, đạt tỷ lệ 99,17%; tổng số hồ sơ hệ thống đã giải quyết hoàn là 4.230 hồ sơ với tổng số tiền đã giải quyết hoàn là hơn 27.297 tỷ đồng.

²¹ Đến ngày 15/4/2022, số lượt tải và cài đặt, sử dụng ứng dụng eTax Mobile là 23.160 lượt (10.665 lượt sử dụng hệ điều hành Android, 12.495 lượt sử dụng hệ điều hành iOS); số tài khoản đăng ký giao dịch điện tử thông qua ứng dụng eTax Mobile là 33.301 tài khoản; số giao dịch qua ngân hàng thương mại là 11.943 giao dịch với tổng số tiền trên 28.6 tỷ đồng.

d) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành và triển khai nhiều chính sách quan trọng nhằm thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số ngành ngân hàng²².

Các ứng dụng tài chính số của 05 ngân hàng trên có sự phát triển mạnh so với cùng kỳ năm ngoái và tương đối đồng đều nhau, trong đó số lượng người sử dụng hằng tháng của **Vietcombank là 12,2 triệu, tăng 24%** so với Quý I/2021; **MB là 7,82 triệu, tăng 66%** so với Quý I/2021; **BIDV là 7,62 triệu, tăng 39%** so với Quý I/2021; **Viettin Bank là 5,46 triệu, tăng 44%** so với Quý I/2021 và **AgriBank là 4,86 triệu, tăng 21%** so với Quý I/2021.

Đến hết Quý I/2022, 03 doanh nghiệp viễn thông (Viettel, Mobifone, VNPT-Media) triển khai thí điểm dịch vụ Mobile Money đã phát triển được hơn **1 triệu** khách hàng (**1.096.245**), **3.010** điểm kinh doanh phủ rộng khắp **63** tỉnh, thành phố trong cả nước.

đ) Đến hết Quý I/2022, tổng số hộ sản xuất nông nghiệp đã được tạo tài khoản trên Postmart, Vò Sò là gần **5,4 triệu** hộ, trong đó số tài khoản đủ điều kiện tham gia giao dịch trên sàn thương mại điện tử (TMĐT) là **1,2 triệu** tài khoản (chiếm 21,5%), đã đưa lên 2 sàn hơn 80 nghìn sản phẩm nông nghiệp. Tổng số giao dịch trên 2 sàn trong Quý I/2022 đạt 109.670 giao dịch, tổng giá trị ước đạt **7 tỷ đồng**.

8. Xã hội số

Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đã chỉ đạo năm 2022 lấy người dân là trung tâm. Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn định hướng đưa hoạt động của người dân lên môi trường số bằng các nền tảng số Việt Nam để hướng tới phát triển một xã hội số; xã hội số phát triển cũng là điều kiện thuận lợi để phát triển chính phủ số, kinh tế số.

a) Ứng dụng phục vụ liên lạc Zalo có trung bình khoảng **74,7 triệu** người sử dụng hằng tháng, **tăng 14,8%** so với Quý I/2021. Mocha có trung bình khoảng **4,6 triệu** người sử dụng hằng tháng, **tăng 2,95%** so với Quý I/2021. Zalo hướng tới siêu ứng dụng phục vụ toàn dân, đẩy mạnh tham gia dịch vụ công trực tuyến. Mocha chủ yếu nhắm tới khách hàng giới trẻ, vừa dùng liên lạc vừa giải trí.

b) Ứng dụng gọi xe cá nhân Be có trung bình khoảng **3,65 triệu** người sử dụng hằng tháng, ổn định vị trí thứ 2 trên thị trường ứng dụng gọi xe ở Việt Nam. Ứng dụng gọi xe khách An Vui và Vé xe rẻ có lượng người sử dụng suy giảm

²² Ban hành hướng dẫn mở tài khoản thanh toán, thẻ bằng phương thức điện tử eKYC; trình Chính phủ Quyết định phê duyệt triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile Money); triển khai Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; ban hành Chỉ thị về việc đẩy mạnh chuyển đổi số và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động ngân hàng; nghiên cứu, sửa đổi quy định pháp lý để cho phép thực hiện hoạt động cho vay bằng phương thức điện tử

manh do tác động của đại dịch Covid-19. Số lượng người sử dụng sụt giảm khoảng 80% so với cùng kỳ Quý I/2021. Tuy nhiên, thị trường ứng dụng vé xe khách hiện vẫn là thị trường dành riêng cho các nền tảng số Việt Nam.

c) Ứng dụng giao hàng Viettel Post có trung bình khoảng **3,5 triệu** người sử dụng hằng tháng, đứng đầu thị trường ứng dụng phục vụ giao hàng tại Việt Nam. My Vietnam Post có trung bình khoảng **2,6 triệu** người sử dụng hằng tháng.

d) Ứng dụng phục vụ xem truyền hình trực tuyến VTV GO của Đài Truyền hình Việt Nam có khoảng **5,89 triệu** người sử dụng hằng tháng, tăng **15,1%** so với Quý I/2021. Mỗi người sử dụng trung bình xem VTV GO 28 phút một ngày, tiêu thụ khoảng 300 MB dữ liệu một tháng. Đối với các trang báo điện tử, tổng số lượt truy cập trung bình hằng tháng của VnExpress là **135,7 triệu**; Vietnamnet đạt **41,07 triệu**; Nhân dân đạt **2,17 triệu**.

đ) Ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử có khoảng **19,9 triệu** người sử dụng hằng tháng. Ngoài ra, VOV Bác sĩ 24 là ứng dụng giúp kết nối trực tiếp người dân với bác sĩ để tư vấn sức khỏe có khoảng **20 nghìn** người sử dụng hằng tháng.

e) Ba nền tảng số Việt Nam phục vụ các cơ sở giáo dục là **VNEdu** của VNPT, **K12Online** của Viettel và **MobiEdu** của MobiFone đều có số lượng người sử dụng hằng tháng nhỏ hơn **1 triệu**. Ba nền tảng số Việt Nam phục vụ các em học sinh có thể trực tiếp lên học trực tuyến các môn học hoặc làm bài tập lần lượt là **Azota** có số lượng truy cập hằng tháng vào khoảng **25,6 triệu** lượt, **Học mãi** khoảng **2,9 triệu** lượt và **Ôn luyện** khoảng **470 nghìn** lượt.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các bộ, ngành vẫn tư duy theo thói quen triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ của bộ, ngành. Trong khi đó, chuyển đổi số đặt ra sứ mệnh mới cho các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin, thêm nhiệm vụ điều phối, dẫn dắt chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực. Ví dụ, đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì không chỉ chủ trì tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ, mà còn chủ trì tham mưu và tổ chức thực thi thúc đẩy chuyển đổi số ngành nông nghiệp. Hay tương tự như vậy đối với Y tế, Giáo dục và các ngành khác. Vì vậy, thời gian qua chưa phát huy hết tiềm năng và sức mạnh thúc đẩy chuyển đổi số ngành, lĩnh vực, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong tình hình mới.

2. Cơ quan nhà nước các cấp còn khó khăn do thiếu nhân lực chuyên môn, chưa mạnh dạn huy động chuyên gia về công nghệ thông tin, chuyên gia về chuyển đổi số cùng tham gia giải quyết vấn đề. Do đây là vấn đề mới, nên năng lực, kỹ năng hoạch định chính sách, điều phối, dẫn dắt của cán bộ, công chức chưa ngang

tầm nhiệm vụ đặt ra. Dẫn đến chủ trương, định hướng quốc gia chậm được cụ thể hóa ở mức chi tiết ở mức thực thi xuống cơ sở. Nhiều nhiệm vụ cần sự chuyên nghiệp trong thực thi nhưng không có chuyên gia thực hiện.

3. Chất lượng cung cấp DVCTT, hiệu quả sử dụng DVCTT còn chưa cao; tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến còn thấp.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ II NĂM 2022

1. Trình Thủ tướng Chính phủ đề xuất thành lập Văn phòng Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số theo hướng chuyên nghiệp hóa, chuyên trách hóa, huy động sự tham gia của các doanh nghiệp và xã hội, không làm tăng thêm đầu mối về tổ chức, bộ máy, biên chế.

2. Hoàn thành đánh giá, công bố chính thức danh sách các nền tảng số đáp ứng yêu cầu phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

3. Hoàn thành tổ chức triển khai bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho **10.000** cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, trong các cơ quan truyền thông, báo chí, tạo nên mạng lưới công nghệ số cộng đồng rộng khắp.

4. Hoàn thành triển khai hệ thống phục vụ thống kê, theo dõi dự án đầu tư công cho chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

5. Nhân rộng việc triển khai trợ lý ảo phục vụ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước.

6. Thí điểm triển khai Hệ thống giám sát dữ liệu trực tuyến, kết nối giữa cơ quan quản lý với hệ thống của đối tượng quản lý là các doanh nghiệp nhà nước.

7. **100%** tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương ban hành nghị quyết/chỉ thị/văn bản chuyên đề về chuyển đổi số.

8. **100%** các bộ, ngành, tỉnh, thành phố ban hành hoặc cập nhật kế hoạch hành động đến năm 2025 của cấp chính quyền với đầy đủ 3 trụ cột chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, phù hợp với các chiến lược quốc gia.

9. **100%** Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương ban hành Kế hoạch hành động năm 2022 để thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số; ưu tiên nguồn lực để khẩn trương triển khai Kế hoạch sau khi ban hành.

10. **100%** địa phương thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng và thực hiện sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về việc tổ chức Tổ công nghệ số cộng đồng.

11. **100%** các tỉnh, thành phố hoàn thành lựa chọn và công bố các nền tảng số mà địa phương lựa chọn để phục vụ người dân, giải quyết các bài toán của người dân và xã hội trong năm 2022.

12. **100%** Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương tổ chức Hội nghị Sơ kết 6 tháng đầu năm 2022 trong tháng 6/2022. Tổ chức Hội nghị Sơ kết 6 tháng đầu năm 2022 triển khai chuyển đổi số quốc gia trong tháng 7/2022.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để tạo bước đột phá chuyển đổi số thời gian tới, Bộ Thông tin và Truyền thông xin đề xuất Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban ủng hộ chủ trương và chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai các nội dung đề kiến toàn bộ máy tổ chức, bảo đảm nguồn nhân lực, nguồn kinh phí cho chuyển đổi số.

1. Kiến toàn đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin

Hiện nay, đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các bộ, ngành được tổ chức theo 02 mô hình: mô hình Cục được tổ chức tại 11 bộ, ngành²³; mô hình đơn vị sự nghiệp (trung tâm) được tổ chức tại 11 bộ, ngành.

Như vậy, mô hình tổ chức các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin chưa đồng bộ, thống nhất. Để có thể thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số quốc gia, các bộ, ngành cần một bộ máy thực thi đủ mạnh, được xác định đúng tên gọi, vai trò và được giao đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

Để kiến toàn bộ máy tổ chức, thực hiện quá trình chuyển đổi số khả thi, hiệu quả ở các ngành, lĩnh vực, kính đề xuất Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban phê duyệt chủ trương và chỉ đạo Bộ Nội vụ và các bộ, ngành:

(1) Đổi tên đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các bộ, ngành thành đơn vị chuyên trách về chuyển đổi số;

(2) Xây dựng Đề án kiến toàn tổ chức, bộ máy đơn vị chuyên trách về chuyển đổi số theo mô hình Cục để các đơn vị có chức năng tham mưu quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực, cung cấp dịch vụ dữ liệu chuyên ngành cho người dân, doanh nghiệp.

2. Huy động chuyên gia chuyển đổi số cho cơ quan nhà nước

Hầu hết các cơ quan nhà nước rất thiếu nguồn nhân lực chuyên nghiệp, chất lượng cao để tổ chức thực thi hoạt động chuyển đổi số. Tại một số nước, các cơ quan nhà nước có các chính sách thuê chuyên gia để triển khai các hoạt động chuyển đổi

²³ 11 bộ, ngành tổ chức theo mô hình Cục: Bộ Công an; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Tư pháp; Bộ Y tế; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Công Thương; Bộ Tài chính; Bộ Quốc phòng; Văn phòng Chính phủ; Bộ Thông tin và Truyền thông

số của cơ quan nhà nước. Tại Singapore, Cơ quan công nghệ chính phủ (Govtech) được thành lập vào năm 2016 với khoảng trên 3.000 nhân viên, có chính sách thuê chuyên gia từ các doanh nghiệp tham gia các hoạt động của mình và trả lương như doanh nghiệp. Tại Nhật Bản, Cơ quan chuyên trách về chuyển đổi số có khoảng 600 nhân sự được huy động từ lĩnh vực tư nhân hoặc điều chuyển từ các bộ, ngành khác. Tại Việt Nam, việc thiếu hụt nhân lực chuyên nghiệp để thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước cũng là phổ biến.

Kính đề xuất Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban phê duyệt chủ trương, đưa vào Nghị quyết phiên họp thường kỳ của Chính phủ giao Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện và kiểm tra, giám sát; giao Bộ Tài chính bố trí ngân sách cho các cơ quan sử dụng ngân sách trung ương; giao UBND các tỉnh, thành phố bố trí ngân sách cho các cơ quan sử dụng ngân sách địa phương để thuê các chuyên gia triển khai các hoạt động chuyển đổi số mà cơ quan nhà nước rất thiếu nguồn nhân lực chuyên nghiệp, chẳng hạn: (1) Chuyên gia tư vấn tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ phục vụ chuyển đổi số; (2) Chuyên gia tư vấn đánh giá hiệu quả, kết quả chuyển đổi số; (3) Chuyên gia tư vấn thực hiện đo lường, giám sát dữ liệu trực tuyến và phân tích dữ liệu lớn; (4) Chuyên gia quản lý vận hành hạ tầng, nền tảng số; (5) Chuyên gia kiểm tra, đánh giá, giám sát 24/7 bảo đảm an toàn thông tin mạng và ứng cứu sự cố máy tính.

3. Triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng

Để giúp từng người dân có nhận thức và kỹ năng số đáp ứng tiến trình chuyển đổi số quốc gia, cần phải có nguồn nhân lực rất lớn, mà không một cơ quan, tổ chức nào có thể đáp ứng. Vì vậy, cần phải có một mô hình mới để huy động mọi nguồn lực xã hội tham gia vào quá trình hỗ trợ, hướng dẫn người dân ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số. Triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng là một sáng kiến mới nhằm huy động sức mạnh của toàn xã hội để tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện chuyển đổi số. Theo đó, mỗi thôn, bản, tổ dân phố có thể thành lập một tổ công nghệ số cộng đồng bao gồm những người có lòng nhiệt huyết vì cộng đồng, có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số. Tổ công nghệ số cộng đồng có sự tham gia của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và đại diện các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin tại mỗi địa phương. Hiện nay, 06/63 tỉnh, thành phố đã thành lập 4.898 Tổ công nghệ số cộng đồng với 21.975 thành viên tham gia và bước đầu đã phát huy được hiệu quả, giúp thúc đẩy chuyển đổi số tại các địa phương.

Kính đề xuất Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban phát động Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng tại tất cả các xã với nòng cốt là thanh niên, huy động nguồn lực của toàn xã hội thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện chuyển đổi số.

4. Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

Để tổ chức triển khai chuyển đổi số phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, cần có một lực lượng lao động chuyên nghiệp về công nghệ thông tin đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng. Tuy nhiên, nếu không có cách làm mới trong

công tác giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, thì nguồn nhân lực công nghệ thông tin không thể đáp ứng tiến trình chuyển đổi số. Một trong các mô hình có thể nâng cao hiệu quả công tác giáo dục bậc học, tăng số lượng đột biến nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực công nghệ thông tin được đào tạo, mà vẫn bảo đảm chất lượng, đó là mô hình giáo dục đại học số.

Kính đề xuất Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông đẩy nhanh triển khai mô hình “Giáo dục đại học số”, hoàn thành Đề án thí điểm trong Quý II/2022.

5. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư công

Việc huy động và sử dụng hiệu quả, đúng pháp luật nguồn lực đầu tư công cho chuyển đổi số là nhiệm vụ hết sức quan trọng.

Theo quy định tại Điều 71 của Luật Đầu tư công năm 2019, việc theo dõi, kiểm tra dự án đầu tư công là thẩm quyền và trách nhiệm của Cơ quan chủ quản, chủ chương trình, chủ đầu tư (các bộ, ngành, địa phương có dự án) và Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công (Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Theo quy định tại Điều 59 của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra thực hiện chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm đầu tư tập trung, đúng mục tiêu, có hiệu quả.

Như vậy, đối với các dự án đầu tư công phục vụ chuyển đổi số, chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, kính đề xuất Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ, ngành, địa phương báo cáo Ủy ban Quốc gia tổng thể tình hình đầu tư các dự án đầu tư công lĩnh vực công nghệ thông tin; hoàn thành triển khai hệ thống phục vụ thống kê, theo dõi dự án đầu tư công cho chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số; triển khai hiệu quả các dự án đầu tư công cho chuyển đổi số trong Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

6. Thay đổi phương thức giám sát hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước bằng công nghệ số

Việc thay đổi phương thức giám sát hoạt động của cơ quan quản lý với đối tượng quản lý từ phương thức giám sát truyền thống thông qua báo cáo giấy và làm việc trực tiếp sang phương thức giám sát bằng công nghệ số là một trong những thay đổi mang tính căn bản trong công tác quản lý nhà nước, mang lại hiệu quả, minh bạch, thúc đẩy phát triển.

Kính đề xuất Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và cơ quan chủ quản thí điểm thực hiện công tác giám sát phục vụ quản lý nhà nước đối với các tập đoàn, tổng công ty nhà nước bằng việc kết nối trực tuyến các hệ thống thông tin của mình với các hệ thống thông tin đo lường, giám sát của cơ quan chủ quản thông qua giao diện lập trình ứng dụng (API).

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Phụ lục I

VĂN BẢN QUAN TRỌNG VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUÝ I/2022

TT	Số, ký hiệu	Ngày, tháng, năm ban hành	Trích yếu
1	146/QĐ-TTg	28/01/2022	Phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
2	24/QĐ-UBQGCĐS	03/3/2022	Quy chế hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số
3	27/QĐ-UBQGCĐS	15/3/2022	Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số
4	411/QĐ-TTg	31/3/2022	Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
5	505/QĐ-TTg	22/4/2022	Phê duyệt Ngày Chuyển đổi số quốc gia
6	02/CT-TTg	26/4/2022	Phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia
7	64/QĐ-BTTTT	19/01/2022	Phê duyệt Kế hoạch tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số năm 2022
8	186/QĐ-BTTTT	11/02/2022	Phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số

TT	Số, ký hiệu	Ngày, tháng, năm ban hành	Trích yếu
9	639/BTTTT-THH	28/02/2022	Tăng cường hiệu quả quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số sử dụng ngân sách nhà nước
10	677/BTTTT-THH	03/3/2022	Hướng dẫn kết nối và chia sẻ dữ liệu thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia
11	793/BTTTT-THH	05/3/2022	Hướng dẫn thí điểm triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương
12	797/BTTTT-THH	06/3/2022	Hướng dẫn một số nhiệm vụ quan trọng thúc đẩy triển khai chuyển đổi số năm 2022

Phụ lục II

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ THEO KẾT LUẬN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TẠI PHIÊN HỌP 1 CỦA ỦY BAN QUỐC GIA VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Ngày 09 tháng 3 năm 2022, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có Công văn số 812/BTTTT-THH đề nghị các bộ, cơ quan báo cáo tình hình triển khai, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Phiên họp lần thứ nhất của Ủy ban (Thông báo số 331/TB-VPCP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Văn phòng Chính phủ). Trên cơ sở báo cáo của các bộ, cơ quan, Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện như sau:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Về nhiệm vụ hoàn thiện tiêu chuẩn, tiêu chí, quy trình, quy chế về giáo dục đào tạo số, trong thời gian qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành nhiều văn bản hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí, quy trình, quy chế về giáo dục đào tạo số²⁴. Bên cạnh đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức nghiên cứu, tham khảo các bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá chuyển đổi số trong nước, quốc tế; tổ chức nhiều cuộc thảo luận với các chuyên gia, các cơ sở giáo dục và đào tạo để lấy ý kiến xây dựng bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo²⁵. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”²⁶; Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phân công rõ trách nhiệm của từng thành viên Ban Chỉ đạo²⁷, xây dựng và ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo cho năm 2022 và đã tổ chức phiên họp đầu tiên của Ban Chỉ đạo. Nội dung nhiệm vụ “Hoàn thiện tiêu chuẩn, tiêu chí, quy trình, quy chế về giáo dục đào tạo số” đã được đưa vào Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo năm 2022, trình Ban Cán sự Đảng ra quyết nghị thông qua. Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang hoàn thiện Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó chi tiết các hoạt động cụ thể để thực hiện nhiệm vụ “Hoàn thiện tiêu chuẩn, tiêu chí, quy trình, quy chế về giáo dục đào tạo số”, kèm theo phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp; ngay trong năm 2022 thực hiện thí điểm mô hình giáo dục đại học số, mô hình dạy học tiên tiến; rà soát, sửa đổi Thông tư quy định ứng dụng công nghệ thông tin quản lý, tổ chức dạy học và Thông tư về dạy học từ xa trình độ đại học.

²⁴ Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo; Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 quy định kỹ thuật về dữ liệu của cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo

²⁵ Tháng 12/2021, Bộ Giáo dục và đào tạo đã tổ chức hội thảo toàn quốc với sự tham gia của các cơ sở giáo dục và đào tạo, các chuyên gia, doanh nghiệp và cơ quan quản lý giáo dục nhằm thảo luận, xây dựng khung chỉ số

²⁶ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ

²⁷ Quyết định số 4977/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

2. Bộ Công an

a) Đã trình Chính phủ thông qua hồ sơ xây dựng Nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân²⁸; đang tiến hành thực hiện các thủ tục trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội²⁹. Đang tổng hợp ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương đối với Nghị định về định danh và xác thực điện tử³⁰ và Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

b) Đã phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các Bộ: Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06)³¹.

c) Thúc đẩy triển khai Quyết định số 1911/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện kết nối, chia sẻ giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, đến thời điểm hiện tại, đã triển khai kết nối chính thức với 08 đơn vị³². Các đơn vị đã gửi dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư để tra cứu, xác thực thông tin làm sạch dữ liệu cho các bộ, ngành³³. Làm giàu dữ liệu: Đã đồng bộ được 10.275.263 thông tin BHXH³⁴; 57.764.589 công dân (140.798.237 thông tin *mũi tiêm*) của Bộ Y tế³⁵; đồng bộ thông tin Bộ Giáo dục và Đào tạo: 448.448 công dân; 170.980 thông tin đăng ký xe³⁶; 1.170.291 thông tin hộ chiếu³⁷.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Đã trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 64/2007/NĐ-CP³⁸ và Nghị định thay thế Nghị định số 43/2011/NĐ-CP³⁹; tiếp tục

²⁸ Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2022

²⁹ Ngày 18/3/2022, Chính phủ đã có Tờ trình số 82/TTr-CP gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin ý kiến về dự thảo Nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân

³⁰ Đã xây dựng dự thảo Tờ trình, Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử và đã đăng tải lên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Công an (ngày 24/01/2022). Ngày 04/3/2022, Bộ Công an có Công văn số 671/BCA-C06 gửi các bộ, ban, ngành, địa phương xin ý kiến tham gia vào nội dung dự thảo Tờ trình, Nghị định

³¹ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ

³² Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính; Bộ Giáo dục Đào tạo; Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN); Bộ Y tế (dữ liệu tiêm chủng); Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tư pháp... Trong đó, việc kết nối, chia sẻ với Bộ Giáo dục Đào tạo vượt tiến độ đề ra (lộ trình Đề án trong tháng 12/2022)

³³ **Bảo hiểm xã hội:** Tổng yêu cầu đã gửi về dân cư 80.011.722 hồ sơ để tra cứu, xác thực thông tin; trong đó, có kết quả 52.651.480 hồ sơ; không có kết quả 27.360.242 hồ sơ. **Dữ liệu Tổng cục thuế:** Tổng yêu cầu đã gửi về dân cư 123.384 hồ sơ để tra cứu, xác thực thông tin; trong đó, có kết quả 360 hồ sơ; không có kết quả 123.024 hồ sơ. **Dữ liệu trẻ em:** chưa có dữ liệu gửi về dân cư. **Bộ Giáo dục và Đào tạo:** Tổng yêu cầu đã gửi về dân cư 399.002 hồ sơ để tra cứu, xác thực thông tin, trong đó, có kết quả 360.258 hồ sơ; không có kết quả 38.744 hồ sơ. **Tập đoàn điện lực Việt Nam:** Tổng yêu cầu đã gửi về dân cư 36.579 hồ sơ, để tra cứu, xác thực thông tin, trong đó, có kết quả 16.830 hồ sơ; không có kết quả 19.749 hồ sơ

³⁴ **BHXH:** Mã số bảo hiểm xã hội, Ngày bắt đầu có hiệu lực, Mã cơ quan tham gia bảo hiểm, Mã đơn vị tham gia bảo hiểm, Tên đơn vị tham gia bảo hiểm, Địa chỉ đơn vị tham gia bảo hiểm, Nghề nghiệp của công dân, Trạng thái của người tham gia bảo hiểm, Mã số bảo hiểm y tế, Ngày bắt đầu có hiệu lực

³⁵ **Bộ Y tế:** Tên loại vắc xin, Ngày công dân đi tiêm, Lô vắc xin, Địa chỉ tiêm của công dân

³⁶ Biển số xe, Loại xe

³⁷ Số hộ chiếu của công dân, Ngày cấp hộ chiếu

³⁸ Tờ trình số 107/TTr-BTTTT ngày 17 tháng 12 năm 2021

³⁹ Tờ trình số 106/TTr-BTTTT ngày 17 tháng 12 năm 2021

thúc đẩy phát triển hạ tầng số, bảo đảm an toàn thông tin, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong chuyên đổi số quốc gia.

b) Đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định về Ngày Chuyển đổi số quốc gia⁴⁰.

c) Chủ trì điều phối, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương để thực hiện các chương trình, kế hoạch của Ủy ban. Tiếp tục phát huy vai trò cơ quan thường trực tham mưu cho Ủy ban bảo đảm lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

4. Bộ Tài chính

a) Về nhiệm vụ thúc đẩy việc sử dụng hóa đơn điện tử, gắn với phát triển kinh tế số, phổ cập chữ ký số, ngày 21 tháng 11 năm 2021, Tổng cục Thuế đã công bố triển khai hệ thống hóa đơn điện tử giai đoạn 01 cho 06 tỉnh, thành phố⁴¹. Tổng cục Thuế đã có Quyết định số 273/QĐ-TCT ngày 14 tháng 3 năm 2022 ban hành Kế hoạch triển khai áp dụng hóa đơn điện tử tại 57 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Mục tiêu đến ngày 01 tháng 7 năm 2022, 100% doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh trên toàn quốc sẽ sử dụng hóa đơn điện tử.

b) Về nhiệm vụ phối hợp với Bộ Công an xây dựng, ban hành Thông tư quy định về phí, lệ phí khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên cơ sở Đề án thu phí, lệ phí do Bộ Công an đề xuất, Bộ Công an đang hoàn thiện dự thảo Đề án để chuyển Bộ Tài chính phục vụ xây dựng Thông tư, phân đấu ban hành trong Quý II năm 2022 theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam.

5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)

Về nhiệm vụ phổ cập thanh toán số, thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) theo hướng thuận tiện, dễ dàng và an toàn hơn, tạo nền móng phát triển giao dịch trực tuyến và kinh tế số, NHNN đã nghiên cứu, tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 phê duyệt Đề án phát triển TTKDTM tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc phê duyệt triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ - Mobile Money; đang nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định về TTKDTM.

Để tạo thuận lợi cho người dân được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ ngân hàng, NHNN đã ban hành văn bản hướng dẫn các ngân hàng mở tài khoản thanh toán, phát hành thẻ cho khách hàng bằng phương thức điện tử (eKYC), qua đó người dân chỉ cần có điện thoại thông minh kết nối Internet là có thể mở tài khoản, thẻ và sử dụng một số dịch vụ ngân hàng. NHNN đã ban hành các văn bản thống nhất tiêu chuẩn kỹ thuật trong hoạt động ngân hàng⁴². Đến nay, NHNN đã phối

⁴⁰ Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2022

⁴¹ Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Phú Thọ, Bình Định

⁴² Quy định về hoạt động thẻ ngân hàng (Thông tư số 19/2016/TT-NHNN, Thông tư số 41/2018/TT-NHNN, Thông tư số 17/2021/TT-NHNN); Quy định về trang bị, quản lý, vận hành và đảm bảo an toàn hoạt động của máy giao dịch tự động (Thông tư số 36/2012/TT-NHNN, Thông tư số 20/2016/TT-NHNN, Thông tư số 44/2018/TT-

hợp với Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông chấp thuận cho 03 doanh nghiệp triển khai thí điểm dịch vụ Mobile-Money⁴³. NHNN đã xây dựng và triển khai Đề án thí điểm một số hình thức TTKDTM ở khu vực nông thôn để mở rộng, thúc đẩy TTKDTM trên địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Đến nay, NHNN đã chấp thuận triển khai thí điểm 03 mô hình⁴⁴. Trong thời gian qua, NHNN đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền để thúc đẩy các hoạt động thanh toán số, TTKDTM thông qua việc phối hợp với các cơ quan báo, đài và các Bộ, ngành liên quan thực hiện các chương trình truyền thông⁴⁵; phối hợp, đăng bài tuyên truyền về TTKDTM trên các tờ báo giấy, báo điện tử trong và ngoài ngành⁴⁶.

Đến hết tháng 12 năm 2021, có 24 ngân hàng báo cáo triển khai mở tài khoản thanh toán cho khách hàng bằng eKYC với hơn 3,4 triệu tài khoản mở mới thêm bằng eKYC. Đến ngày 01 tháng 03 năm 2022, có khoảng hơn 10 tổ chức phát hành thẻ đã triển khai phát hành thẻ bằng eKYC; với hơn 1,3 triệu thẻ đang lưu hành. Tính đến cuối tháng 01 năm 2022, mạng lưới ATM, POS phủ sóng đến tất cả tỉnh, thành trên cả nước⁴⁷; có 81 ngân hàng triển khai dịch vụ thanh toán qua Internet⁴⁸; 47 ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua điện thoại di động⁴⁹; có 30 ngân hàng thương mại và 6 tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán triển khai dịch vụ thanh toán qua QR Code⁵⁰. Đến nay, trên thị trường có 47 tổ chức không phải là ngân hàng đang cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán⁵¹.

6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Về nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã thúc đẩy triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 12/QĐ-BKHĐT ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Sau 01 năm thực hiện,

NHNN); Bộ tiêu chuẩn cơ sở về thẻ chip nội địa (Quyết định số 1927/QĐ-NHNN ngày 05/10/2018); Bộ tiêu chuẩn cơ sở Đặc tả kỹ thuật QR Code hiện thị từ phía đơn vị chấp nhận thanh toán tại Việt Nam (Quyết định số 1928/QĐ-NHNN ngày 05/10/2018);...

⁴³ Viettel, Mobifone, VNPT-Media

⁴⁴ Số liệu tính lũy kể đến hết tháng 12 năm 2021, ba mô hình thí điểm đã có 73.007 điểm cung cấp dịch vụ (tăng 39% so với cuối năm 2020, trong đó số điểm cung cấp dịch vụ ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa tăng hơn 13.100 điểm), phục vụ cho trên 68,3 triệu khách hàng; tổng số lượng giao dịch phát sinh trong năm 2021 là trên 35,7 triệu giao dịch với tổng giá trị giao dịch là trên 286.200 tỷ đồng.

⁴⁵ “Tiền khéo, tiền khôn”, “Đừng để tiền rơi”, sự kiện “Ngày không tiền mặt”; “Ngày nông dân không dùng tiền mặt”

⁴⁶ Tạp chí Ngân hàng, VnExpress, Người lao động, Dân trí, Tuổi trẻ,...

⁴⁷ Với 20.461 ATM và 329.240 POS (tăng 4,01% và 18,58% so với cùng kì 2021); Trong tháng 01/2022, số lượng giao dịch qua ATM đạt khoảng 105,54 triệu giao dịch với giá trị 340,71 nghìn tỷ đồng (tăng 7,11% về số lượng và 23,27% về giá trị so với cùng kì 2021); số lượng giao dịch qua POS đạt khoảng 46,01 triệu giao dịch với giá trị 84,97 nghìn tỷ đồng (tăng 18,63% về số lượng và 33,05% về giá trị so với cùng kì 2021)

⁴⁸ Số lượng giao dịch thanh toán qua Internet trong tháng 01 năm 2022 đạt 83,7 triệu giao dịch (tăng 58,4% so với cùng kì năm 2021) và giá trị giao dịch đạt khoảng 4 triệu tỷ đồng (tăng 39,4 % so với cùng kì năm 2021)

⁴⁹ 47 ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua điện thoại di động; Số lượng giao dịch thanh toán qua di động trong tháng 01/2022 đạt 284,4 triệu giao dịch (tăng 103,4% so với cùng kì năm 2021) và giá trị giao dịch đạt khoảng 3,4 triệu tỷ đồng (tăng 116,4% so với cùng kì năm 2021)

⁵⁰ Với hơn 100.000 điểm chấp nhận thanh toán, tăng 11,1% so với cuối năm 2020; Trong tháng 01/2022, số lượng giao dịch thanh toán qua QR Code đạt 2,9 triệu giao dịch (tăng 30,8% so với cùng kì năm 2021) và giá trị giao dịch đạt khoảng 3,7 nghìn tỷ đồng (tăng 101,9% so với cùng kì năm 2021)

⁵¹ Trong đó có 44 tổ chức cung ứng dịch vụ Ví điện tử, 45 tổ chức cung ứng dịch vụ cổng thanh toán điện tử và hỗ trợ thu hộ, chi hộ, 13 tổ chức cung ứng dịch vụ hỗ trợ chuyển tiền điện tử, 01 tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính và bù trừ điện tử.

Chương trình đã phối hợp với các đối tác trong nước và quốc tế triển khai nhiều hoạt động, với hàng triệu lượt tiếp cận thông tin các hoạt động Chương trình, trong đó gần 200.000 lượt đã tiếp cận các tài liệu nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, hơn 500 doanh nghiệp được đánh giá mức độ sẵn sàng, 100 doanh nghiệp đang được hỗ trợ tư vấn chuyên sâu để giải quyết những vấn đề cụ thể của doanh nghiệp khi chuyển đổi số. Trong năm 2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiếp tục xây dựng và phổ biến các tài liệu hướng dẫn, triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số tiếp nối các hoạt động năm 2021, đồng thời tập trung thêm vào triển khai 3 gói hỗ trợ⁵².

Ngoài ra, căn cứ trên các kết quả thực tiễn triển khai, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng, hoàn thiện Chương trình hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh giai đoạn 2021 - 2025, trình Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 9090/TTr-BKHĐT ngày 23 tháng 12 năm 2021 và Tờ trình số 615/TTr-BKHĐT ngày 26 tháng 01 năm 2022.

b) Về nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số trong đầu tư công, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đẩy mạnh việc chuyển đổi số trong đầu tư công thông qua việc triển khai Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công trên toàn quốc. Bộ đã thực hiện đổi mới toàn diện công tác xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và áp dụng toàn bộ trên Hệ thống. Thông tin, dữ liệu được thu thập, lưu trữ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công là thông tin, dữ liệu, tài liệu gốc của các chương trình, dự án đầu tư công. Các quy trình quản lý kế hoạch đầu tư công thực hiện thống nhất trên Hệ thống, áp dụng trên toàn quốc nhằm bảo đảm thống nhất, giảm thiểu sai sót, thuận tiện cho việc tổng hợp, báo cáo và tăng cường giám sát đối với đầu tư công. Số liệu phục vụ việc báo cáo các cấp có thẩm quyền đều được in trực tuyến từ Hệ thống bảo đảm số liệu khách quan, kịp thời, minh bạch.

Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục hoàn thiện Hệ thống để đáp ứng các quy định Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019 và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và triển khai thống nhất trên toàn quốc.

7. Bộ Nội vụ

Về nhiệm vụ triển khai xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, Bộ Nội vụ đã hoàn thiện sơ yếu lý lịch dùng chung để làm căn cứ xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức; hiện Bộ Nội vụ đang xin lại ý kiến của Ban Tổ chức Trung ương để thống nhất mẫu sơ yếu lý lịch dùng chung trong hệ thống chính trị. Bộ Nội vụ đã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án chuyển đổi số tại Quyết định số 1271/QĐ-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2021, hiện đang chuẩn bị triển khai đầu tư, đến ngày 31 tháng 3 năm 2022 hoàn thành việc lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, tháng 4 năm 2022 sẽ triển khai thực hiện.

⁵² Gói Bắt đầu chuyển đổi số (Start Digital) nhằm hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh mới bắt đầu chuyển đổi số; Gói Tăng tốc chuyển đổi số (Grow Digital) nhằm hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh chuyển đổi số để tăng tốc phát triển; Gói Chuyển đổi số hướng đến thị trường toàn cầu (Go Digital - Go Global) nhằm hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh chuyển đổi số để thúc đẩy xuất khẩu, phát triển thương hiệu và sản phẩm trên thị trường quốc tế

8. Bộ Xây dựng

a) Về nhiệm vụ nghiên cứu, xây dựng quy hoạch phát triển đô thị thông minh theo Đề án 950 về phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam, trong năm 2022, Bộ Xây dựng cũng sẽ triển khai các nhiệm vụ cụ thể sau: Ban hành Tiêu chí đánh giá các đô thị thông minh tại Việt Nam; Xây dựng nhiệm vụ trọng tâm chương trình thí điểm phát triển đô thị thông minh vùng đồng bằng sông Cửu Long; Xây dựng Quy chế quản lý đầu tư phát triển khu đô thị thông minh; Xây dựng cơ chế thí điểm hệ thống cơ sở dữ liệu liên thông dân cư, đất đai, giao thông, quy hoạch đô thị và đầu tư xây dựng phát triển đô thị hướng đến phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam.

b) Về nhiệm vụ xây dựng nền tảng cơ sở dữ liệu để quản lý về quy hoạch, kiến trúc, Bộ Xây dựng đã ban hành văn bản số 1247/BXD-PTĐT ngày 14/4/2022 gửi các địa phương về việc “Hướng dẫn tổ chức thiết lập Hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị liên thông trên nền GIS phục vụ phát triển đô thị thông minh” làm tài liệu để các địa phương nghiên cứu, tham khảo áp dụng trong quá trình tổ chức thiết lập Hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị liên thông trên nền GIS trên địa bàn. Hiện nay, Bộ Xây dựng phối hợp với các địa phương đã rà soát, đăng tải công khai gần 1.600 đề án về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên Cổng thông tin về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị Việt Nam.

9. Bộ Y tế

a) Về nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thúc đẩy ứng dụng Hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân

Hồ sơ sức khỏe điện tử được các tỉnh, thành phố tiếp tục tổ chức cập nhật dữ liệu sức khỏe người dân trên địa bàn tỉnh, thành phố từ các trạm y tế, các cơ sở khám chữa bệnh và đến nay đã có khoảng **gần 60 triệu** hồ sơ đã được khởi tạo, cập nhật trên cả nước. Bước đầu đã hình thành hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương⁵³.

b) Về nhiệm vụ phối hợp với Bộ Công an tích hợp dữ liệu tiêm chủng phòng ngừa Covid-19, người nhiễm khỏi bệnh, kết quả xét nghiệm với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ

- Đã thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu, xác minh, xác thực thông tin người dân tiêm chủng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Tính đến ngày 12/4/2022, tổng số đối tượng trên phần mềm tiêm chủng là 83.120.409 tương ứng với 200.537.584 mũi tiêm. Tổng số đối tượng đã gửi sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Bộ Công an là 82.516.526 tương ứng với 196.725.301 mũi tiêm⁵⁴. Tổng số đối tượng có thông tin CCCD/CMTND đã xác minh thông tin là

⁵³ Một số tỉnh đã thực hiện kết nối đồng bộ dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh từ phần mềm Quản lý bệnh viện với Hồ sơ sức khỏe điện tử như: Phú Thọ, Vĩnh Phúc, ...

⁵⁴ Trong đó, số đối tượng có thông tin CCCD/CMTND là 72.616.483 đối tượng (1.101.346 đối tượng đã bị xóa, lọc trùng bởi cơ sở tiêm chủng), tương ứng với 176.474.906 mũi tiêm; số đối tượng không có thông tin CCCD/CMTND hoặc sai định dạng CCCD/CMTND là 9.900.043 đối tượng, tương ứng với 22.140.022 mũi tiêm

72.616.483 đối tượng⁵⁵. Tổng số đối tượng không có thông tin CCCD/CMTND đã xác minh thông tin là 9.900.043 đối tượng⁵⁶.

- Hiện đã có hệ thống tiếp nhận dữ liệu kết quả xét nghiệm COVID-19 từ các cơ sở xét nghiệm. Bộ Y tế đang chỉ đạo các đơn vị liên quan xây dựng văn bản hướng dẫn các cơ sở xét nghiệm trên cả nước thực hiện đầy đủ dữ liệu kết quả xét nghiệm COVID-19 về cơ sở dữ liệu tập trung tại Bộ Y tế để kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Thời gian vừa qua, Bộ Y tế đã phối hợp với Tập đoàn Viettel triển khai thử nghiệm phần mềm Quản lý, tư vấn sức khỏe F0 tại tỉnh Hà Giang, Quảng Ninh, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Khánh Hoà, Bình Thuận, Đắk Nông, Bến Tre, Sóc Trăng. Hiện nay trong cơ sở dữ liệu đã có thông tin của 374.000 F0 của các tỉnh trên. Tuy nhiên không có thông tin về định danh cá nhân. Ngoài ra, một số tỉnh, thành phố trên cả nước cũng đã sử dụng các phần mềm quản lý, tư vấn sức khỏe F0 khác nhau phục vụ cho công tác phòng chống dịch COVID-19 tại địa phương. Sau quá trình thử nghiệm, Bộ Y tế sẽ tiến hành đánh giá và hoàn thiện phần mềm, xây dựng kế hoạch triển khai đến tất cả cơ sở khám chữa bệnh từ trạm y tế xã trở lên để xây dựng cơ sở dữ liệu F0 khỏi bệnh trên cả nước, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

10. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Về nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và địa phương hình thành cơ sở dữ liệu quản lý cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, quản lý cơ sở chăn nuôi; cấp, quản lý mã số vùng trồng, tạo nền tảng thúc đẩy chuyển đổi số cho doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và cho người dân, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án chuyển đổi số, công nghệ thông tin theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2022 để xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, quản lý cơ sở chăn nuôi; cấp, quản lý mã số vùng trồng, tạo nền tảng thúc đẩy chuyển đổi số cho doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và cho người dân. Dự kiến phê duyệt chủ trương đầu tư trong tháng 4 năm 2022.

11. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Về nhiệm vụ xây dựng CSDL quốc gia về đất đai, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thành kết nối, liên thông dữ liệu đất đai ở địa phương, Hệ thống tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu đất đai quốc gia với Nền tảng NDXP và Trung tâm điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phục vụ công tác chỉ đạo,

⁵⁵ Trong đó, 53.528.633 đối tượng, tương ứng với 133.010.249 mũi tiêm đã xác minh thông tin đúng với CSDL quốc gia về dân cư; 19.087.857 đối tượng, tương ứng với 43.464.657 mũi tiêm đã xác minh thông tin sai so với CSDL quốc gia về dân cư (không số định danh trong hệ thống dân cư, sai ngày sinh, sai họ tên, sai họ tên và ngày sinh, sai thông tin khác)

⁵⁶ Trong đó, 7.838.402 đối tượng, tương ứng với 18.323.416 mũi tiêm đã xác minh thông tin đúng với CSDL quốc gia về dân cư; 2.061.641 đối tượng, tương ứng với 3.816.606 mũi tiêm không xác minh được với CSDL quốc gia về dân cư

điều hành, cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Đến thời điểm hiện nay đã có 16 tỉnh/thành phố kết nối, liên thông dữ liệu đất đai.

Cơ sở dữ liệu đất đai ở Trung ương: Đã vận hành 04 khối dữ liệu đất đai (Dữ liệu Thống kê, kiểm kê đất đai; Dữ liệu Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Dữ liệu Giá đất; Dữ liệu điều tra cơ bản về đất đai). Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có nguồn kinh phí để tiếp tục xây dựng, cập nhật dữ liệu, do đó, chưa đủ các điều kiện để bảo đảm dữ liệu sống và được cập nhật thường xuyên.

Cơ sở dữ liệu đất đai địa phương: Các địa phương đã đầu tư kinh phí để đầu tư hạ tầng, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Hiện nay, tất cả 63/63 địa phương đã và đang triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai với hơn 43 triệu thửa đất, tuy nhiên mới có 217/705 đơn vị hành chính cấp huyện hoàn thành và đưa vào vận hành tập trung ở các tỉnh.

Bộ đã chỉ đạo Tổng cục Quản lý đất đai: (i) phối hợp với các địa phương triển khai Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” (Dự án VILG), đến nay có 49/250 huyện đã hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai với đầy đủ 04 thành phần dữ liệu (Thống kê, kiểm kê đất đai; Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Giá đất; Điều tra cơ bản về đất đai) và tích hợp lên Hệ thống <http://nlis.vilg.gov.vn>. Dự kiến Kế hoạch đến hết Quý I/2022 hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai 66/250 huyện; đến tháng 12/2022 hoàn thành 230/250 huyện; Quý I, II/2023 hoàn thành tất cả 250/250 huyện thuộc dự án. Hiện nay, 30 tỉnh tham gia dự án đang được vận hành tập trung trên hạ tầng do Tập đoàn Viettel hỗ trợ. (ii) thực hiện tái cấu trúc Dự án VILG và điều chỉnh Hiệp định tài trợ Dự án VILG do Ngân hàng Thế giới tài trợ theo Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 20/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2440/QĐ-CTN ngày 29/12/2021 của Chủ tịch nước.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu, giải trình và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định ban hành Nghị định quy định về hệ thống thông tin đất đai⁵⁷; phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông tiến hành thẩm định đánh giá phần mềm hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu⁵⁸ đáp ứng vận hành hệ thống thông tin đất đai tập trung, thống nhất trên cả nước.

b) Về nhiệm vụ xây dựng các cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường

Về xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, thực hiện Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, từ năm 2020 Bộ Tài nguyên và Môi trường đã bàn giao sản phẩm cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và bản đồ địa hình quốc gia các tỷ lệ 1:25.000, 1:100.000; 1:250.000, 1:500.000, 1:1.000.000 lũy kế theo tiến độ cho các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an... và các địa phương phục vụ công tác quy hoạch, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hạ tầng số, chuyển đổi số. Dự kiến trong đầu Quý II năm 2022 sẽ hoàn thành, bàn giao toàn bộ các sản phẩm nêu trên.

⁵⁷ Tại Công văn số 5575/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 13 tháng 9 năm 2021

⁵⁸ Theo Quyết định số 166/QĐ-BTNMT ngày 21 tháng 01 năm 2022

Về xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các Đề án xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành tài nguyên và môi trường theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ⁵⁹.

c) Về xây dựng cơ sở dữ liệu về thiên tai và rủi ro thiên tai, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thành lập Ban Chỉ đạo⁶⁰ và ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện⁶¹ Chương trình cập nhật phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai, đặc biệt là các thiên tai liên quan đến bão, nước dâng do bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn theo Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã giao Tổng cục Khí tượng Thủy văn triển khai thực hiện Chương trình trong đó có nhiệm vụ “Xây dựng cơ sở dữ liệu về rủi ro thiên tai”. Tổng cục Khí tượng Thủy văn đang phối hợp với các chuyên gia và các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ khác của Chương trình để nghiên cứu, xây dựng các yếu tố đầu vào, đầu ra cho cơ sở dữ liệu, hệ thống phần mềm quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu về thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai để đảm bảo hệ thống hoạt động tối ưu tương thích, đồng bộ với các kết quả của các nhiệm vụ chuyên môn khác.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phê duyệt thực hiện “Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Bộ về dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn phục vụ công tác phòng chống thiên tai giai đoạn 2021-2025”, mã số: TNMT.06/21-25 với các mục tiêu: (1) Ứng dụng, phát triển các công nghệ, mô hình dự báo, cảnh báo khí tượng, thủy văn, hải văn theo hướng chi tiết hóa, định lượng và tăng độ tin cậy; (2) Xây dựng được hệ thống mô hình tích hợp khí tượng, thủy văn và hải văn để nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo khí tượng, thủy văn, hải văn phục vụ phòng chống thiên tai.

⁵⁹ Về triển khai Đề án Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu liên ngành về đồng bằng sông Cửu Long phục vụ phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu (theo Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 21/10/2020): Các nhiệm vụ thực hiện Đề án được lồng ghép chung vào các dự án đang triển khai tại các bộ, ngành, địa phương, với nguồn lực chính là dự án “Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long” (ICRSL) do Ngân hàng thế giới tài trợ. Dự kiến Trung tâm dữ liệu vùng đồng bằng sông Cửu Long sẽ hoàn thành và đưa vào khai thác, sử dụng trong năm 2023.

Về triển khai Đề án Xây dựng Hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường (theo Quyết định số 1618/QĐ-TTg ngày 24/10/2017): Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tích cực phối hợp, hỗ trợ, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án. Đến nay, các lĩnh vực tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương cơ bản đã có CSDL quan trắc do đã thực hiện từ các nhiệm vụ, dự án, đề án trước đây, đặc biệt là CSDL quan trắc: khí tượng thủy văn, môi trường, tài nguyên nước...

Về triển khai Đề án Hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường kết nối liên thông với các hệ thống thông tin, CSDL của các địa phương, các Bộ, ngành (theo Quyết định số 2178/QĐ-TTg ngày 21/12/2020): Bộ Tài nguyên và Môi trường đang rà soát, xây dựng và xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin” bảo đảm đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, không chồng chéo để triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 làm cơ sở cho chuyển đổi số ngành góp phần thực hiện chuyển đổi số quốc gia.

⁶⁰ Quyết định số 2496/QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 8 năm 2018

⁶¹ Quyết định số 1258/QĐ-BTNMT ngày 05 tháng 6 năm 2020

12. Các bộ, ngành, địa phương

a) Về việc kiện toàn và đổi tên Ban Chỉ đạo xây dựng Chính phủ điện tử/chính quyền điện tử thành Ban Chỉ đạo chuyển đổi số, đến nay, 100% các bộ, ngành, địa phương đã thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số.

b) Các bộ, ngành, địa phương vẫn đang phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an bảo đảm an ninh, trật tự, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước trong quá trình chuyển đổi số và phối hợp trong việc triển khai Đề án đẩy mạnh ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số quốc gia theo đúng lộ trình, tiến độ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.